TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST Ngày: 26-9-2025 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Tạo;
2. Ông Nguyễn Đức Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 62/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Ngọc B, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Tổ L, tổ dân phố A, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Phương T, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: Đường A, ấp C, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 30/5/2025, quá trình tố tụng, nguyên đơn ông B trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà T có mối quan hệ là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D

(nay là xã D, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 27/6/2014. Quá trình chúng sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông B thấy rằng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với bà T.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Phan Đăng K, sinh ngày 16/7/2015, và Phan Đăng K1, sinh ngày 27/10/2019. Ông B yêu cầu giao con chung cho bà T nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn; bản sao giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh.

**** Ý kiến của bị đơn:*** Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tống đạt, niêm yết để bà T tham gia tố tụng nhưng bà T cố tình vắng mặt mà không có lý do nên không thu thập được ý kiến.

**** Xác minh và làm việc của Tòa án:*** Tòa án đã tiến hành xác minh đối với ban lãnh đạo ấp, xác định: Vợ chồng đã không ở chung nhiều năm nay. Bà T có công việc ổn định, đủ điều kiện chăm sóc con chung.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu xét xử mặt, bị đơn đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông B khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn bà T, bà T có nơi cư trú tại xã D, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền

thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ pháp luật tranh chấp là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn xin ly hôn, ông B khởi kiện ly hôn với bà T. Quá trình tố tụng, ông B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà T không tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông B và bà T có mối quan hệ là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã D, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 27/6/2014. Hôn nhân giữa bà T và ông B đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Trong thời gian chung sống, ông B và bà T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do sống chung không hợp, không ai quan tâm, chăm sóc nhau; hiện vợ chồng không còn ở chung. Quá trình giải quyết vụ án, bà T cố tình vắng mặt, điều này thể hiện bị đơn không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông B được ly hôn với bà T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, bà T và ông B có 02 con chung tên Phan Đăng K, sinh ngày 16/7/2015, và Phan Đăng K1, sinh ngày 27/10/2019. Theo kết quả xác minh thì bà T hiện đang chăm sóc tốt cho hai con chung, ông B đồng ý gioa con chung cho mẹ nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao hai cháu cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4.3] *Về cấp dưỡng:* Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì cha không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chưa thành niên. Ông B không trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Căn cứ vào tình hình thực tế với mức sống trung bình tại địa phương và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và nguyện vọng của ông B thì mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với khả năng kinh tế của ông B nên được chấp nhận.

[4.4] *Về tài sản chung*: Ông B xác định tự thoả thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.5] *Về nợ chung*: Ông B không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Ông B tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Phan Ngọc B đối với bà Lê Thị Phương T.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Phan Ngọc B được ly hôn với bà Lê Thị Phương T.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Bà Lê Thị Phương T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Phan Đăng K, sinh ngày 16/7/2015, và Phan Đăng K1, sinh ngày 27/10/2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Phan Ngọc B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*), mỗi con 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thực hiện cấp dưỡng nuôi con từ tháng 10/2025.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lê Thị Phương T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phan Ngọc B không thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng ông B còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông B không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Ông Phan Ngọc B tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), bao gồm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Sau khi được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số:

0004316 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H, ông B còn phải nộp thêm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18-TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18-TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Nam